

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư Xây dựng một số hạng mục thuộc tiểu dự án Trạm xử lý nước thải số 1 thành phố Biên Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 673/BC-SKHĐT ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư Xây dựng một số hạng mục thuộc tiểu dự án Trạm xử lý nước thải số 1 thành phố Biên Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư Xây dựng một số hạng mục thuộc tiểu dự án Trạm xử lý nước thải số 1 thành phố Biên Hòa, với nội dung chi tiết theo phụ lục I, II đính kèm.

Điều 2. UBND thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định và lưu ý:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện quy trình lựa chọn nhà thầu theo quy định của Điều 38 Luật Đấu thầu, chỉ được tiến hành ký kết hợp đồng thực hiện gói thầu và khởi công xây dựng công trình sau khi lựa chọn được nhà thầu theo quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu.

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn để có tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ, tránh việc nhà thầu thắc mắc yêu cầu bổ sung kế hoạch vốn.

- Chủ đầu tư quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định; lưu ý trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo và ký hợp đồng gói thầu mua sắm thiết bị phải căn cứ quy định pháp luật hiện hành để tổ chức điều chỉnh dự toán (nếu có) và thực hiện theo quy định tại điểm a Mục 4 Phần I; Mục 5 Phần I Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng

vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước, trong đó quy định: *“Khi lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải căn cứ danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu, thuốc và vật tư y tế trong nước sản xuất được trên trang thông tin điện tử của các bộ quản lý chuyên ngành để xây dựng cho phù hợp với quy định; Khi lập và phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không được đưa ra yêu cầu hoặc định hướng đối với việc nhà thầu tham dự thầu phải chào hàng hóa nhập khẩu khi hàng hóa trong nước đã sản xuất hoặc lắp ráp được đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng, giá cả”*.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Tấn Đức

PHỤ LỤC I KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

S T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01 (xây dựng): Xây dựng một số hạng mục thuộc tiểu dự án Trạm xử lý nước thải số 1 thành phố Biên Hòa; nội dung công việc theo Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.	3.951.347.000 (Ba tỷ, chín trăm năm mươi một triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Từ Quý IV năm 2021	Trộn gói	Tối đa 04 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
2	Gói thầu số 02 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt thiết bị một số hạng mục thuộc tiểu dự án Trạm xử lý nước thải số 1 thành phố Biên Hòa; bao gồm số lượng và chủng loại theo phụ lục II đính kèm.	2.476.950.000 (Hai tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Từ Quý IV năm 2021	Trộn gói	Tối đa 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
3	Gói thầu số 03 (phi tư vấn): Bảo hiểm rủi ro của chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng gói thầu số 01.	20.547.000 (Hai mươi triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2021	Trộn gói	Tối đa 22 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
4	Gói thầu số 04 (tư vấn): Thẩm định giá vật tư thiết bị gói thầu số 02.	12.384.000 (Mười hai triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2021	Trộn gói	Tối đa 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

PHỤ LỤC II KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Số lượng	Thành tiền
Gói thầu số 02 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt thiết bị một số hạng mục thuộc tiểu dự án Trạm xử lý nước thải số 1 thành phố Biên Hòa				
I	Chi phí mua sắm thiết bị			
A	Thiết bị cần giám sát lắp đặt			
1	Máy đo tổng Phosphorus và Tổng Nito Endress + Hauser			
1.1	Máy đo Tổng Phosphorus online - Phương pháp đo: so màu - Dãy đo: 0.5 - 50mg/l total phosphorus - Độ chính xác: 3-10% của dãy đo - Vật liệu được làm bằng nhựa plastic ASA-PC - Nguồn cung cấp: 100-230 VAC (50/60Hz) - Model: Liquiline System CA80TP	1	Bộ	
1.2	Đầu dò kỹ thuật số: Tổng Nito sử dụng công nghệ Memosens - Thiết kế module hóa kết nối với các đầu dò kỹ thuật số đo Tổng Nito - Nhận diện các sensor theo công nghệ Memosens (kết nối giữa dây dẫn và đầu dò bằng cuộn cảm ứng điện từ, có khả năng chống ẩm, giúp đầu dò ngâm được trong nước, thuận lợi cho việc vận hành và bảo trì) - Có ngõ ra giao tiếp theo chuẩn Hart - Cấp bảo vệ: IP66 - Nguồn cung cấp: 100-230 VAC (50/60Hz) - Phương pháp đo: điện thế ISE - Dãy đo: Tổng Nito 0.1 to 1000 mg/l (NH ₄ -N) - Chiều dài cáp: 3 mét - Cấp bảo vệ: IP68, có thể ngâm trực tiếp trong nước - Model: Liquiline CM444; ISEmax CAS40D	1	Bộ	
2	Hệ thống máy lấy mẫu tự động			
2.1	Máy lấy mẫu tự động kết nối với bộ Datalogger điều khiển từ xa	1	Bộ	

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Số lượng	Thành tiền
	- Hút mẫu bằng bơm nhu động, chiều cao hút mẫu tối đa 8m - Vật liệu bao bọc bên trong bằng nhựa Plastic PS - Nhiệt độ buồng lấy mẫu: 4°C - Số lượng chai lấy mẫu: 12 chai x 3 lít - Tuân thủ theo chuẩn MCERTS - Nguồn cung cấp: 100-240 VAC (50/60Hz) - Có ngõ vào/ra điều khiển kỹ thuật số - Tích hợp thẻ nhớ SD-Card, 1GB - Hệ thống 2 cửa, 4 chìa khóa - Model: LIQUISTATION CSF48			
3	Hệ thống camera giám sát (tại kênh hở và tại vị trí đặt hệ thống quan trắc)			
3.1	Camera IP trụ hồng ngoại 2 MP chuẩn nén H.264 - Độ phân giải: 2 Megapixel (1920 x 1080p), cảm biến: 1/2.8" Progressive Scan CMOS - Ống kính 4mm. Độ nhạy sáng cao: 0.01 Lux@ F1.2; 0Lux với IR. Tính năng hồng ngoại thông minh, tầm xa hồng ngoại nhìn đêm: 30m - Kết nối mạng có dây RJ45 Chống nhiễu kỹ thuật số 3D DNR, Chống ngược sáng kỹ thuật số Digital WDR, Cắt lọc hồng ngoại ICR. Chức năng bù ngược sáng BLC. Tự chuyển chế độ ngày/đêm. Tiêu chuẩn ngoài trời: IP66 - Hỗ trợ Chuẩn kết nối ONVIF: Nguồn cấp 12V DC hoặc PoE (802.3af) - Dải nhiệt hoạt động rộng (-30°~60°) - Hỗ trợ Online 6 user max, IVMS - 4500 mobile software	1	Bộ	
3.2	Camera IP Speed Dome hồng ngoại, 2MP (quay quét), chuẩn nén H264, có hỗ trợ H265+ - Cảm biến CMOS 2MP, 1/2.8", chuẩn nén H.265+/H.265/H.264+/H.264, tính năng giảm nhiễu số 3D DNR, chống ngược sáng thực True WDR	1	Bộ	

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Số lượng	Thành tiền
	- Tính năng siêu nhạy sáng DarkFighter, có màu tại: 0.005lux/F1.6, đen trắng tại: 0.001lux/F1.6			
	- Zoom quang: 25x Zoom số: 16, hồng ngoại 150m TR			
	- Độ phân giải 1920*1080:30fps. Tốc độ quay 0,1o-120o/s. Tốc độ quay:0,1o-80o/s. Hỗ trợ PoE + & 24VAC			
	- Tính năng phát hiện thông minh			
3.3	Đầu ghi hình camera IP4 kênh cấp chuẩn H.264	1	Bộ	
	- Xuất tín hiệu HDMI và VGA 1920 x1080. Hỗ trợ 4 kênh giao diện thân thiện với người dùng, thao tác đơn giản, dễ sử dụng, điều khiển đầu ghi & camera bằng chuột, bàn phím			
	- Ghi hình trên đĩa cứng gắn bên trong 1 cổng SATA. 1 cổng input/output audio, hoạt động cực kỳ ổn định và bền bỉ. Cấu hình thời gian ghi hình cho từng kênh			
	- Có thể phóng to 4 lần khi xem trực tiếp hoặc xem lại. Nhận dạng và cảnh báo chuyển động			
	- Dễ dàng ghi chép sang USB hoặc ổ CD-RW			
	Hỗ trợ 1 ổ HDD với đầu ghi K1, dung lượng tối đa mỗi ổ 6TB			
	- Ổ cứng chuyên dụng WD tím 4000 GB (Model: WD40PURX-78)			
4	Các thiết bị đi kèm thông tư 24/2017/TT-BTNMT			
4.1	Thiết bị chống sét	1	Bộ	
	- Biến áp cách ly 3A			
	- Bộ chống sét 2804432 VAL-MS 230/3+1-FM			
4.2	Hệ thống báo cháy, báo khói. Bao gồm:	1	Bộ	
	- 1x Đầu báo khói quang điện + đế			
	- 2x Chuông, đèn báo cháy tích hợp			
	- 2x Nút ấn báo cháy khẩn cấp			
	- 1x Tủ giám sát báo cháy 4 Zone + acquy			

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Số lượng	Thành tiền
	- 2x Bình bột chữa cháy MFZL4 ABC có tem kd			
	- 1x Bình bột CO2 chữa cháy MT3 có tem kd			
	- 1x Hộp đựng bình chữa cháy (450x650x220)mm 6zem			
4.3	Hệ thống lưu điện UPS	1	Bộ	
	Bộ lưu điện			
	Model: UPS APC Smart			
	Thông số: APC Smart- UPS, 2200VA/1980W, Input 230V/Output 230 V, Interface Port DB-9RS-232, USB, SmartSlot			
B	Thiết bị không cần giám sát lắp đặt			
1	Chi phí kiểm định hệ thống quan trắc hàng năm tại hiện trường			
1.1	Chi phí kiểm định hệ thống quan trắc hàng năm tại hiện trường (1 lần/năm)	1	Năm	
2	Chi phí lắp đặt và dịch vụ trọn gói			
2.1	Phụ kiện lắp đặt và chi phí nhân công lắp đặt	1	T.bộ	
	- Phụ kiện lắp đặt			
	- Vận chuyển thiết bị, phụ kiện			
	- Chi phí đi lại khảo sát hiện trường			
	- Chi phí lắp đặt, cài đặt và cân chỉnh thiết bị			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo trì thiết bị			
II	Chi phí quản lý mua sắm thiết bị của nhà thầu: $1,1\% \times G_{MS}$			
III	Chi phí mua bản quyền công nghệ			
IV	Chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ			
V	Chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị			
VII	Chi phí chạy thử thiết bị theo yêu cầu kỹ thuật			
VIII	Chi phí khác có liên quan			
	TỔNG CỘNG			2.476.950.000